

**TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017



TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ,

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 – 49

030
C
KIỂM
RS
V
200
C
KH
HA TR

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") công bố báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Tiến Anh	Chủ tịch
Ông Trương Quang Minh	Thành viên
Ông Phan Quang Huy	Thành viên
Ông Hoàng Minh	Thành viên

Kiểm soát viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Duy Vũ	Kiểm soát viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Tiến Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Quang Huy	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

2361
ÔNG
TNI
TOÁN
M VI
T.P

486
ÔNG
NG
INE
NG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Tiên Anh

Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Số: 18.372/RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 25/03/2018 từ trang 5 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục (*) của các Thuyết minh số 4.4, 4.14, 4.15 và 5.9, Tổng Công ty đang ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm 2017 do ảnh hưởng thiệt hại về tài sản của cơn bão số 12 theo số dự kiến, cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này vẫn chưa có biên bản thống nhất cuối cùng về giá trị thiệt hại được bồi thường giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh Khánh Hòa.

KT.TÔNG GIÁM ĐỐC



Trần Dương Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Hà Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2444-2018-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.234.848.727.436	4.025.057.709.063
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	182.233.507.864	113.272.277.756
1. Tiền	111		152.233.507.864	113.272.277.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.911.635.355.321	1.906.241.834.890
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	1.911.635.355.321	1.906.241.834.890
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		393.603.771.452	305.567.593.568
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	67.742.913.350	145.388.908.795
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.427.120.592	36.967.688.002
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		376.273.332	376.273.338
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	286.057.464.178	123.799.638.144
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(964.914.711)
IV. Hàng tồn kho	140		1.741.920.808.902	1.693.164.250.950
1. Hàng tồn kho	141	4.5	1.741.920.808.902	1.696.891.630.322
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.727.379.372)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.455.283.897	6.811.751.899
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	4.464.815.286	4.031.467.498
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		345.121.573	323.536.041
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	645.347.038	2.456.748.360
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.305.263.981.567	1.042.705.977.361
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		519.314.728	895.588.060
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		519.314.728	895.588.060
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		370.500.443.272	424.928.744.445
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	339.814.101.152	370.141.767.374
Nguyên giá	222		1.334.464.272.433	1.313.251.809.163
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(994.650.171.281)	(943.110.041.789)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	30.686.342.120	54.786.977.071
Nguyên giá	228		33.663.611.145	57.448.675.088
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.977.269.025)	(2.661.698.017)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		153.290.748.479	53.358.141.885
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	153.290.748.479	53.358.141.885
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		726.034.916.853	513.314.067.452
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	463.442.882.853	258.442.882.853
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.2	235.864.400.000	232.534.584.720
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	26.727.634.000	46.977.634.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(24.641.034.121)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

VI. Tài sản dài hạn khác	260		54.918.558.235	50.209.435.519
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	54.918.558.235	50.209.435.519
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.540.112.709.003	5.067.763.686.424

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.738.591.590.605	2.615.441.094.074
I. Nợ ngắn hạn	310		2.665.163.858.605	2.614.942.104.074
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	279.396.330.184	425.813.858.156
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.724.144.516	5.972.343.801
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	229.804.211.451	419.478.921.502
4. Phải trả người lao động	314		257.261.049.716	228.412.904.340
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	8.772.768.906	1.604.460.526
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		351.789.056	351.789.057
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	50.172.325.059	40.364.535.708
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.10	1.624.628.983.033	1.284.235.012.093
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		212.052.256.684	208.708.278.891
II. Nợ dài hạn	330		73.427.732.000	498.990.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		427.732.000	498.990.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.10	73.000.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.801.521.118.398	2.452.322.592.350
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.801.521.118.398	2.452.322.592.350
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.15	2.366.000.000.000	2.256.028.088.638
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	4.15	(473.141.176)	-
3. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	4.15	208.190.441.477	194.922.720.013
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.15	226.432.034.398	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		226.432.034.398	-
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	4.15	1.371.783.699	1.371.783.699
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.540.112.709.003	5.067.763.686.424



Lê Tiến Anh
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2018

Phan Quang Huy
Kế toán trưởng

Đào Đông Phong
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	4.325.822.679.481	4.705.454.808.192
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	43.521.575.272	5.672.642
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.282.301.104.209	4.705.449.135.550
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.3	3.852.915.965.478	4.333.854.394.527
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		429.385.138.731	371.594.741.023
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	264.921.844.582	258.460.763.040
7.	Chi phí tài chính	22	5.5	46.619.369.281	80.898.692.365
	<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		66.762.385.562	60.392.053.931
8.	Chi phí bán hàng	25	5.6	133.338.252.255	135.097.942.413
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	75.039.627.505	162.080.132.247
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		439.309.734.272	251.978.737.038
11.	Thu nhập khác	31	5.8	93.134.938.299	185.615.490.847
12.	Chi phí khác	32	5.9	20.922.147.473	2.078.114.281
13.	Lợi nhuận khác	40		72.212.790.826	183.537.376.566
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		511.522.525.098	435.516.113.604
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	75.983.858.313	59.614.936.646
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	7.806.204
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		435.538.666.785	375.893.370.754



Lê Tiên Anh
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2018

Phan Quang Huy
Kế toán trưởng

Đào Đông Phong
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		6.875.613.091.097	8.500.675.699.904
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(3.790.565.582.825)	(3.866.983.888.265)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(540.104.888.624)	(534.957.386.121)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(65.937.162.364)	(60.982.152.891)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(54.846.244.038)	(59.793.983.832)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		213.469.033.999	314.101.932.850
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.822.374.437.613)	(3.770.437.741.232)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(184.746.190.368)	521.622.480.413
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(190.429.427.082)	(46.242.888.543)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		387.844.911	9.148.028.204
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.898.105.355.321)	(3.859.860.987.609)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.893.088.108.228	3.377.191.286.004
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.883.000.000)	(9.495.555.455)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		30.953.184.720	121.627.737.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		215.403.853.173	332.549.509.417
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		37.415.208.629	(75.082.870.982)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	5.406.173.385.013	5.539.410.469.721
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(4.993.586.601.990)	(5.875.753.758.034)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(196.291.914.011)	(178.426.737.623)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		216.294.869.012	(514.770.025.936)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		68.963.887.273	(68.230.416.505)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	113.272.277.756	181.387.411.443
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.657.165)	115.282.818
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		182.233.507.864	113.272.277.756



Lê Tiên Anh
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Phan Quang Huy
Kế toán trưởng

Đào Đông Phong
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 2914/QĐ -UBND ngày 13/11/2009 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200486169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 05/01/2011. Từ khi thành lập đến nay, Tổng Công ty đã 09 lần điều chỉnh lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/03/2016. Tổng Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.366.000.000.000 VND.

Vốn thực tế đến ngày 31/12/2017 là 2.366.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh thuốc lá, may mặc, nuôi đà điểu – cá sấu, sản xuất các sản phẩm tiêu dùng từ da đà điểu, cá sấu, dịch vụ du lịch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Trồng rau đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Hoạt động các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên;
- Thuộc, sơ chế da, sơ chế và nhuộm da lông thú;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá;
- Chăn nuôi dê, cừu;
- Chăn nuôi lợn;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Chăn nuôi ngựa, lừa, la;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất hàng mỹ nghệ từ đà điểu và cá sấu;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- In ấn;
- Sản xuất các loại cấu kiện kim loại;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Đại lý du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Xử lý và thiêu hủy rác thải không độc hại;
- Đại lý, môi giới;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải khách ven biển và viễn dương;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và thiêu hủy rác thải độc hại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Khai thác nước khoáng và bùn khoáng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty có các công ty con, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty CP Dệt Tân Tiến	Khu Bình Tân, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam	88,1%	88,1%	88,1%
Công ty CP Du lịch Long Phú	Đá Chông, xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	52,5%	52,5%	52,5%
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An	Đường D2, Khu Công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	07 Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khatoco	13B Hoàng Hoa Thám, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	100%	100%	100%

Danh sách các công ty liên kết:

Tên	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết:			
Công ty CP Đông Á	29%	29%	29%
Công ty CP Du lịch Khánh Tâm	29%	29%	29%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty CP Đầu tư Khánh Hà	29%	29%	29%
Công ty CP Tân Việt	38%	38%	38%
Công ty CP In Bao Bì Khatoco	29%	29%	29%
Công ty CP Khatoco Liberty	29,6%	29,6%	29,6%
Công ty TNHH Quốc tế AK	20%	20%	20%
Công ty CP Thức ăn Chăn nuôi Khatoco	20%	20%	20%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phú Khánh Việt	25%	25%	25%

Danh sách các công ty đầu tư khác:

Tên	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty đầu tư khác:			
Công ty CP Khánh Tân	5,34%	5,34%	5,34%
Công ty TNHH Invest Park – Nha Trang	12,73%	12,73%	12,73%
Công ty CP Du lịch Long Phú (Công đoàn đầu tư)	1,51%	1,51%	1,51%
Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang	8,89%	8,89%	8,89%

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
1 Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	Đường Trường Sơn, Khu Bình Tân, Phường Vĩnh Trường, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
2 Xí nghiệp May Khatoco	Lô NM1, Đường số 1, Cụm công nghiệp Khatoco- Ninh Ích, Xã Ninh Ích, Thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam
3 Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	Cụm Công nghiệp Đặc Lợi, Xã Vĩnh Phương, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
4 Công viên Du lịch Yang Bay	Thôn Ngã Hai, Xã Khánh Phú, Huyện Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
5 Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Ninh Hòa	Thôn Đại Cát, Xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
6 Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	Cụm Công nghiệp Ninh Ích, Thôn Tân Phú, xã Ninh Ích, Thị xã Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hoà
7 Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Quảng Nam	Thôn Phú Bình, Xã Tam Phú, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
8 Nhà máy Thuốc lá Khatoco Phú Yên	Lô B5, KCN An Phú, Xã Bình Kiến, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam
9 Chi nhánh TCT Khánh Việt – Công ty TNHH MTV tại Gia Lai	Dốc đỏ, Xã Phú Cần, Huyện Krông pa, Tỉnh Gia Lai
10 Chi nhánh TCT Khánh Việt – Công ty TNHH MTV tại Hồ Chí Minh	259A Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
11 Nhà máy Thuốc lá Khatoco Nghệ An	Đường D2, Khu Công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Đối với khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Tổng Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228), Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228), Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính theo hướng dẫn tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

3.5. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10 năm
▪ Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 15 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Quyền sử dụng đất có thời hạn	33 - 49,5 năm
▪ Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; các khoản bảo hiểm; chi phí sửa chữa, đào tạo... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí trả trước là tiền thuê đất và các chi phí liên quan đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất (từ 45 đến 50 năm);
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Tổng Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí đi vay***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Tổng Công ty là chi phí lãi vay: được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất qui định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/04/2016 của Bộ Tài chính.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.15. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu: hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi về thuế suất

- Áp dụng mức thuế suất 15% đối với thu nhập từ chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

- Đối với sản phẩm nông nghiệp tự sản xuất mới qua sơ chế bán ra thuộc đối tượng không chịu thuế;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với các sản phẩm thuốc lá điếu, may mặc;
- Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

- Hoạt động sản xuất thuốc lá điếu là 70%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	455.657.067	510.349.298
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	151.777.850.797	112.761.928.458
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	-
Cộng	182.233.507.864	113.272.277.756

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	1.911.635.355.321	1.911.635.355.321	1.906.241.834.890	1.906.241.834.890
Cộng	1.911.635.355.321	1.911.635.355.321	1.906.241.834.890	1.906.241.834.890

Tại ngày 31/12/2017, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Dệt Tân Tiến	49.333.000.000	-	49.333.000.000	11.645.059.466
Công ty CP Du lịch Long Phú	13.120.560.000	-	13.120.560.000	-
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An	38.000.000.000	-	38.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	250.000.000.000	-	45.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khatoco	112.989.322.853	-	112.989.322.853	-
Cộng	463.442.882.853	-	258.442.882.853	11.645.059.466
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Đông Á	3.480.000.000	-	3.480.000.000	-
Công ty CP Du lịch Khánh Tâm	47.560.000.000	-	33.677.000.000	-
Công ty CP Giấy Rạng Đông	-	-	3.753.184.720	-
Công ty CP Đầu tư Khánh Hà	75.500.000.000	-	75.500.000.000	569.547.111
Công ty CP SX - TM - DV Khatoco	-	-	1.000.000.000	-
Công ty CP Tân Việt	43.624.400.000	-	43.624.400.000	-
Công ty CP In bao bì Khatoco	23.200.000.000	-	23.200.000.000	-
Công ty CP Khatoco Liberty	29.600.000.000	-	29.600.000.000	1.574.509.051
Công ty TNHH Quốc tế AK	1.400.000.000	-	1.400.000.000	862.885.139
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Việt Khánh Phú	-	-	5.800.000.000	655.951.608
Công ty TNHH TM DV Phú Khánh Việt	2.500.000.000	-	2.500.000.000	89.260.100
Cộng	235.864.400.000	-	232.534.584.720	3.752.153.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Khánh Tân	802.744.000	-	802.744.000	-
Công ty TNHH Bốn mùa - Nha Trang	-	-	2.250.000.000	2.250.000.000
Công ty TNHH Invest Park - Nha Trang	9.550.000.000	-	9.550.000.000	3.398.880.621
Công ty TNHH Mường Thanh Nha Trang	-	-	18.000.000.000	-
Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang	16.000.000.000	-	16.000.000.000	3.594.941.025
Công ty CP Du lịch Long Phú (Công đoàn đầu tư)	374.890.000	-	374.890.000	-
Cộng	26.727.634.000	-	46.977.634.000	9.243.821.646

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính theo hướng dẫn tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con, công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 8 – Thông tin bên liên quan.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Angles Worlds PTE, TLD	43.624.743.196	19.546.288.640
Đối tượng khác	18.972.434.500	2.320.006.329
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 8	5.145.735.654	123.522.613.826
Cộng	67.742.913.350	145.388.908.795

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty CP Dệt Tân Tiến	58.520.000	3.240.000
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An	-	15.030.547.648
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	5.087.215.654	94.944.031.216
Công ty CP Giấy Rạng Đông	-	200.000.000
Công ty TNHH Việt Khánh Phú	-	4.691.450.675
Công ty CP SX-TM-DV Khatoco	-	3.344.287
Công ty CP Đông Á	-	8.650.000.000
Cộng	5.145.735.654	123.522.613.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty UKAN Investment Ltd	1.042.122.809	-	-	-
Công ty Hauni Maschinenbau GmbH	1.684.244.546	-	-	-
Phải thu người lao động	1.607.048.536	-	6.242.551.288	-
<i>Tam ứng</i>	269.000.796	-	6.112.705.588	-
<i>Phải thu thuế TNCN</i>	1.338.047.740	-	129.845.700	-
Ký cược, ký quỹ	28.392.317.132	-	24.245.516.583	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	9.074.264	-	145.876.776	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	30.489.262.596	-	35.845.784.032	-
Hiệp hội thuốc lá Việt Nam	878.236.325	-	-	-
Tiền đền bù giải tỏa tại CVDL Yang Bay được khấu trừ vào tiền thuê đất	6.477.110.467	-	6.756.062.467	-
Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Khánh Hòa (*)	158.278.145.194	-	-	-
Công ty CP Du lịch Long Phú (Vay quỹ phúc lợi)	-	-	300.000.000	-
Thuế nhập khẩu tạm nộp	366.985.189	-	1.116.760.358	-
Phải thu khác	546.662.071	-	28.433.143	-
Phải thu khác là các bên có liên quan (cổ tức, lợi nhuận được chia) - Xem thêm mục 8	56.286.255.049	-	49.118.653.497	-
Cộng	286.057.464.178	-	123.799.638.144	-

(*) Khoản giá trị dự kiến phải thu Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh Khánh Hòa đối với phần thiệt hại về tài sản do ảnh hưởng của cơn bão số 12.

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khác là các bên liên quan (cổ tức, lợi nhuận được chia)		
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khatoco	8.048.729.994	505.531.448
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An	3.906.839.751	4.233.432.599
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	44.330.685.304	44.379.689.450
Cộng	56.286.255.049	49.118.653.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	588.261.872	78.953.062	1.143.013.872	178.099.161
Cộng	588.261.872	78.953.062	1.143.013.872	178.099.161

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Quá hạn trên 3 năm	325.085.000	-	-	724.801.250	-	724.801.250
Quá hạn trên 2 năm đến dưới 3 năm	263.176.872	78.953.062	-	155.035.750	46.510.725	108.525.025
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-	263.176.872	131.588.436	131.588.436
Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	-	-	-
Cộng	588.261.872	78.953.062	-	1.143.013.872	178.099.161	964.914.711

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty không trích lập dự phòng công nợ phải thu theo hướng dẫn tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.182.055.625.345	-	1.228.515.628.399	-
Công cụ, dụng cụ	1.572.478.205	-	1.047.536.711	-
Chi phí SX, KD dở dang	110.651.500.171	-	129.564.265.801	2.936.375.788
Thành phẩm	439.983.825.029	-	328.695.273.806	-
Hàng hóa	6.514.406.178	-	7.168.161.430	791.003.584
Hàng gửi bán	1.142.973.974	-	1.900.764.175	-
Cộng	1.741.920.808.902	-	1.696.891.630.322	3.727.379.372

Giá trị hàng da tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm cuối năm là 3.581.774.179 đồng. Trong đó, giá trị Tổng Công ty ước tính có khả năng thu hồi là 2.136.417.653 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty không trích lập dự giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Dự án tại Văn phòng Tổng Công ty	65.453.618.231	47.451.576.344
<i>Chung cư và siêu thị Khatoco 25-26 Nguyễn Đình Chiểu</i>	-	-
<i>Cụm Công nghiệp Khatoco xã Phước Đồng</i>	50.817.540.558	41.486.743.642
<i>Cụm đảo Hòn Thị - Đầm Nha Phu</i>	313.526.070	313.526.070
<i>Công viên du lịch Yang Bay</i>	12.501.970.280	4.083.274.758
<i>Dự án mở bùn tại Ninh Xuân 2</i>	1.279.811.033	1.174.488.523
<i>Văn phòng Tổng Công ty Khánh Việt</i>	17.413.636	-
<i>Dự án di dời Nhà máy thuốc lá Khatoco</i>	136.000.000	-
<i>Nhà máy chế biến, tách cọng thuốc lá</i>	387.356.654	387.356.654
<i>Dự án 420 Tân Kỳ - Tân Quý - Hồ Chí Minh</i>	-	6.186.697
Dự án tại Nhà máy thuốc lá Khatoco	80.367.576.126	401.835.188
Dự án tại Xí nghiệp Mây Khatoco	463.305.000	-
Dự án tại Công viên du lịch Yang Bay	6.618.425.892	2.467.739.330
Dự án tại Trung tâm giống đã điều Ninh Hòa	157.636.516	2.875.626.389
Dự án tại Công ty thuốc lá nguyên liệu Khatoco	161.364.634	161.364.634
Dự án tại Công ty kinh doanh đã điều cá sấu	68.822.080	-
Cộng	153.290.748.479	53.358.141.885

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2017	457.784.962.569	768.249.833.645	67.035.300.910	14.921.541.370	332.149.091	4.928.021.578	1.313.251.809.163
Mua trong năm	681.509.247	68.607.851.724	10.124.083.954	1.626.949.727	-	765.242	81.041.159.894
Đ/tư XD/CB h/thành	6.833.386.185	10.221.818	164.698.750	-	-	-	7.008.306.753
Tăng do nhận tài sản từ công ty con	3.162.018.300	-	-	-	-	-	3.162.018.300
Tăng khác	-	1.751.416.175	-	-	-	-	1.751.416.175
Thanh lý, nhượng bán	(48.393.833.283)	(14.916.254.798)	(7.621.112.792)	(709.506.070)	(52.800.000)	-	(71.693.506.943)
Giảm khác	-	(56.930.909)	-	-	-	-	(56.930.909)
Tại ngày 31/12/2017	420.068.043.018	823.646.137.655	69.702.970.822	15.838.985.027	279.349.091	4.928.786.820	1.334.464.272.433
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2017	218.380.852.162	666.820.395.109	48.278.958.159	6.390.814.874	290.022.639	2.948.998.846	943.110.041.789
Khấu hao trong năm	29.613.493.517	40.960.141.489	4.681.874.432	2.131.328.180	10.560.000	482.519.537	77.879.917.155
Tăng do nhận tài sản từ công ty con	3.162.018.300	-	-	-	-	-	3.162.018.300
Tăng khác	-	1.751.416.175	-	-	-	-	1.751.416.175
Thanh lý, nhượng bán	(14.826.133.555)	(9.927.095.619)	(5.907.995.581)	(532.233.531)	(21.233.548)	-	(31.214.691.834)
Góp vốn bằng tài sản	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(38.530.304)	-	-	-	-	(38.530.304)
Tại ngày 31/12/2017	236.330.230.424	699.566.326.850	47.052.837.010	7.989.909.523	279.349.091	3.431.518.383	994.650.171.281
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2017	239.404.110.407	101.429.438.536	18.756.342.751	8.530.726.496	42.126.452	1.979.022.732	370.141.767.374
Tại ngày 31/12/2017	183.737.812.594	124.079.810.805	22.650.133.812	7.849.075.504	-	1.497.268.437	339.814.101.152

Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2017;
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 611.853.246.554 đồng;
Không có TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý;
Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	56.506.373.608	942.301.480	57.448.675.088
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	(23.785.063.943)	-	(23.785.063.943)
Tại ngày 31/12/2017	32.721.309.665	942.301.480	33.663.611.145
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	1.788.296.537	873.401.480	2.661.698.017
Khấu hao trong năm	279.571.008	36.000.000	315.571.008
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	2.067.867.545	909.401.480	2.977.269.025
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	54.718.077.071	68.900.000	54.786.977.071
Tại ngày 31/12/2017	30.653.442.120	32.900.000	30.686.342.120

Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 805.301.480 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.

Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.437.914.467	2.022.081.042
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	720.556.555	544.136.839
Chi phí thuê kho, thuê nhà	1.659.995.814	1.427.829.618
Các khoản chi phí khác	646.348.450	37.419.999
Cộng	4.464.815.286	4.031.467.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	17.626.832.715	14.950.371.478
Chi phí thuê đất	-	151.231.621
Chi phí quyền sử dụng đất	2.666.950.114	2.744.066.746
Chi phí thuê công trình trên đất tại Ninh Tây	424.713.414	563.456.034
Giá trị cây trồng tại Ninh Tây	45.249.352	3.955.118.585
Đà điều sinh sản	3.801.677.516	2.100.916.050
Cá sấu sinh sản	976.754.666	998.189.369
Chi phí đền bù giải tỏa đất	20.515.519.170	21.374.061.882
Chi phí đền bù giải tỏa trại cá sấu Ninh Ích	8.077.811.865	3.085.911.298
Chi phí trồng cây xanh trại cá sấu Ninh Ích	48.882.170	77.469.398
Chi phí khác	734.167.253	208.643.058
Cộng	54.918.558.235	50.209.435.519



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (VND)	786.710.116.376	786.710.116.376	2.177.541.742.624	2.022.587.550.648	631.755.924.400	631.755.924.400
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (VND)	-	-	177.500.000.000	177.500.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (USD)	174.601.659.513	174.601.659.513	985.322.155.303	971.545.995.790	160.825.500.000	160.825.500.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (VND)	633.453.710.839	633.453.710.839	1.907.929.327.603	1.766.129.204.457	491.653.587.693	491.653.587.693
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa (USD)	-	-	45.297.072.765	45.297.072.765	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa (VND)	-	-	12.852.344.736	12.852.344.736	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Khánh Hòa (VND)	29.863.496.305	29.863.496.305	29.863.496.305	-	-	-
Cộng	1.624.628.983.033	1.624.628.983.033	5.336.306.139.336	4.995.912.168.396	1.284.235.012.093	1.284.235.012.093

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dài hạn: - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (VND)	73.000.000.000	73.000.000.000	87.520.071.974	14.520.071.974	-	-
Cộng	73.000.000.000	73.000.000.000	87.520.071.974	14.520.071.974	-	-

Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 112/2016-HĐTDDA/NHCT580/KHDN ngày 25/10/2016:

- + Tổng hạn mức: 145.000.000.000 đồng.
- + Mục đích vay: Dùng để thực hiện dự án đầu tư Dây chuyền sản xuất thuốc lá điều xuất khẩu tại Nhà máy thuốc lá Khatoco.
- + Thời hạn vay: 78 tháng (6,5 năm) kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn: 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- + Lãi suất: Áp dụng phương thức lãi suất thả nổi theo thị trường, tại thời điểm ký hợp đồng. Lãi suất cho vay dài hạn theo Chương trình tiếp sức thành công dành cho KHDN Lớn, 7,0%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của NHCT cộng biên độ 2,5%/năm. Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tương ứng.
- + Tài sản đảm bảo: Được quy định cụ thể tại Hợp đồng Bảo đảm số 112/HĐBBĐ/TC/KHDN ngày 25/10/2016.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	254.708.831.064	254.708.831.064	398.709.632.896	398.709.632.896
Công ty liên doanh thuộc lá BAT Vinataba	56.623.284.779	56.623.284.779	68.099.367.600	68.099.367.600
British American Tobacco (Singapore)	89.065.705.742	89.065.705.742	193.730.160.600	193.730.160.600
Fast Win Enterprise LTD (HongKong)	-	-	30.433.502.700	30.433.502.700
Angel World PTE., LTD (Singapore)	1.711.333.800	1.711.333.800	1.993.223.000	1.993.223.000
Hai Le International Trading Co., LTD (Đài Loan)	15.694.050.000	15.694.050.000	-	-
Công ty CP Cát Lợi	5.909.717.000	5.909.717.000	13.196.410.557	13.196.410.557
Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Tokyo	3.828.707.377	3.828.707.377	2.936.276.096	2.936.276.096
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đồng Tâm	-	-	18.901.159.650	18.901.159.650
TTS International LTD (Philipines)	18.467.733.833	18.467.733.833	11.071.821.587	11.071.821.587
Các nhà cung cấp khác	63.408.298.533	63.408.298.533	58.347.711.106	58.347.711.106
Phải trả cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	24.687.499.120	24.687.499.120	27.104.225.260	27.104.225.260
Cộng	279.396.330.184	279.396.330.184	425.813.858.156	425.813.858.156

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả người bán là các bên liên quan		
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	3.187.748.700	3.768.787.800
Công ty CP Dệt Tân Tiến	9.136.000	-
Công ty CP Đông Á	3.527.312.470	3.758.845.860
Công ty CP In Bao bì Khatoco	17.859.509.950	19.367.316.600
Công ty CP Du lịch Long Phú	102.112.000	-
Công ty CP SX-TM-DV Khatoco	-	209.275.000
Công ty CP Khánh Tân	1.680.000	-
Cộng	24.687.499.120	27.104.225.260

9-C
TY
TUV
NAM
CV
86
OI
NI
ANI
ING

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số thực nộp/được hoàn trong kỳ VND	Tại ngày 31/12/2017 VND
Thuế xuất nhập khẩu	2.456.748.360	4.244.036.445	2.349.190.998	561.902.913
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	83.444.125	83.444.125
Cộng	2.456.748.360	4.244.036.445	2.432.635.123	645.347.038

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm VND	Tại ngày 31/12/2017 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17.606.861.736	259.140.114.339	258.930.906.451	17.816.069.624
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	121.392.928.556	121.392.928.556	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	213.644.547.259	2.092.492.219.549	2.141.442.598.224	164.694.168.584
Thuế xuất nhập khẩu	-	40.803.383.898	40.803.383.898	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.889.977.972	75.983.858.313	54.846.244.038	39.027.592.247
Thuế thu nhập cá nhân	4.907.180.206	16.703.584.755	16.873.544.721	4.737.220.240
Thuế tài nguyên	49.200	13.749.770	13.798.970	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	794.347.700	457.925.954	1.252.273.654	-
Thuế môn bài	-	13.180.000	13.180.000	-
Phí phòng chống tác hại thuốc lá	4.578.097.443	44.839.118.991	45.888.055.678	3.529.160.756
Lợi nhuận phải nộp về ngân sách nhà nước	160.057.859.986	36.234.054.025	196.291.914.011	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.089.918.788	1.089.918.788	-
Cộng	419.478.921.502	2.689.164.036.938	2.878.838.746.989	229.804.211.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.200.791.466	1.375.568.268
Hoa hồng môi giới	40.071.328	40.071.328
Chi phí khắc phục hậu quả sau bão số 12 (*)	6.167.077.668	-
Chi phí phải trả khác	364.828.444	188.820.930
Cộng	8.772.768.906	1.604.460.526

(*) Giá trị khoản trích trước chi phí khắc phục thiệt hại về tài sản do ảnh hưởng của cơn bão số 12.

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Kính phí công đoàn	5.665.613.093	5.459.494.665
Phải trả cho khách hàng do bão số 12 gây ra (*)	9.337.105.478	-
UBND Tỉnh Khánh Hòa	34.684.013.618	34.684.013.618
Phải trả tiền thuế thu nhập cá nhân	180.777.530	117.645.425
Phải trả khác	304.815.340	103.382.000
Cộng	50.172.325.059	40.364.535.708
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	427.732.000	498.990.000
Cộng	427.732.000	498.990.000

(*) Giá trị khoản phải trả nhà cung cấp đã thực hiện khắc phục thiệt hại về tài sản do ảnh hưởng của cơn bão số 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	
Tại ngày 01/01/2016	2.191.260.077.412	-	-	-	1.371.783.699	99.213.167.577	2.291.845.028.688
Tăng vốn trong năm trước	112.768.011.226	-	-	-	-	96.601.501.103	209.369.512.329
Lãi trong năm trước	-	-	-	375.893.370.754	-	-	375.893.370.754
Trích quỹ	-	-	112.768.011.226	-	-	-	112.768.011.226
Tăng khác	-	3.278.080.834	-	-	-	-	3.278.080.834
Giảm chuyển về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	(48.000.000.000)	-	-	-	-	-	(48.000.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(112.768.011.226)	-	-	(112.768.011.226)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(70.539.146.500)	-	-	(70.539.146.500)
Giảm khác (tăng vốn, nộp ngân sách)	-	(3.278.080.834)	(112.768.011.226)	(192.586.213.028)	-	(891.948.667)	(309.524.253.755)
Tại ngày 01/01/2017	2.256.028.088.638	-	-	-	1.371.783.699	194.922.720.013	2.452.322.592.350
Tăng vốn trong năm	109.971.911.362	-	-	-	-	-	109.971.911.362
Lãi trong năm nay	-	-	-	435.538.666.785	-	-	435.538.666.785
Trích quỹ	-	-	109.971.911.362	-	-	13.267.721.464	123.239.632.826
Tăng khác	-	(473.141.176)	-	-	-	-	(473.141.176)
Giảm chuyển về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(109.971.911.362)	-	-	(109.971.911.362)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(62.900.667.000)	-	-	(62.900.667.000)
Giảm khác (tăng vốn, nộp ngân sách)	-	-	(109.971.911.362)	(36.234.054.025)	-	-	(146.205.965.387)
Tại ngày 31/12/2017	2.366.000.000.000	(473.141.176)	-	226.432.034.398	1.371.783.699	208.190.441.477	2.801.521.118.398

Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn góp của Chủ sở hữu từ quỹ Đầu tư phát triển để đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Tài sản nhận giữ hộ (VND)	-	-
Ngoại tệ các loại		
+ USD	103.395,72	4.247.250,79
+ EUR	320,57	419,55
+ SGD	425,47	447,55
	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
Các hộ nông dân trồng thuốc lá tại Khánh Hòa, Đắk Lắk	4.526.768.912	4.085.177.412
Các hộ nông dân trồng thuốc lá tại Gia Lai	1.087.527.750	771.210.500
Cộng	5.614.296.662	4.856.387.912

Nguyên nhân xóa nợ: Các khoản nợ đã xóa nêu trên là do Công ty Thuốc lá nguyên liệu Khatoco, Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV tại Gia Lai, Đắk Lắk đầu tư cho các hộ nông dân trồng thuốc lá, nhưng do mất mùa không thu hồi được, các hộ này không có khả năng trả nợ.

4.18. Các khoản doanh nghiệp hiện nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong tổng số các khoản: tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và phải thu ngắn hạn khác có 208.190.441.477 đồng là quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.243.197.975.806	4.639.209.917.628
Doanh thu cung cấp dịch vụ	82.624.703.675	66.244.890.564
Cộng	4.325.822.679.481	4.705.454.808.192
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	3.045.206.797.100	3.532.363.524.809
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng		
Công ty CP Dệt Tân Tiến	129.747.273	95.714.000
Công ty CP Du lịch Long Phú	144.684.546	74.036.363
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An	29.476.723.760	47.706.225.135
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	3.014.919.261.438	3.477.219.955.826
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khatoco	-	6.045.455
Công ty CP In Bao bì Khatoco	203.121.819	144.120.182
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	244.950.000	205.343.636
Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco	-	94.300.000
Công ty CP Giấy Rạng Đông	-	2.181.818.184
Công ty CP Khatoco Liberty	28.308.264	70.256.822
Công ty TNHH Việt Khánh Phú	-	4.455.598.560
Công ty CP Đồng Á	-	6.543.637
Công ty TNHH Quốc tế AK	60.000.000	30.000.000
Công ty CP TM-DV-SX Khatoco	-	56.954.286
Công ty CP Tân Việt	-	16.612.723
Cộng	3.045.206.797.100	3.532.363.524.809

89.
 T
 H
 & T
 I N
 0
 59-C
 G
 T Y
 VIỆ
 T. KHÁNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giảm giá hàng bán	3.382.548	-
Hàng bán bị trả lại	43.518.192.724	5.672.642
Cộng	43.521.575.272	5.672.642

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hàng hóa	3.817.619.891.527	4.296.191.030.289
Giá vốn dịch vụ cung cấp	39.023.423.323	37.663.364.238
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.727.349.372)	-
Cộng	3.852.915.965.478	4.333.854.394.527

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	84.925.021.240	96.422.290.703
Cổ tức, lợi nhuận được chia	132.289.912.049	137.776.128.768
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	7.113.161.597	7.118.584.995
Lãi bán hàng trả chậm	6.832.527.301	5.162.688.574
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng cổ phần	33.761.222.395	11.981.070.000
Cộng	264.921.844.582	258.460.763.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	66.762.385.562	60.392.053.931
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	4.013.108.750	1.936.593.320
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá cuối năm	-	2.980.419.577
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư tài chính	(4.480.461.121)	15.589.625.537
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư tài chính (Theo Nghị định 126/20176/NĐ-CP)	(20.160.573.000)	-
Chi phí thoái vốn đầu tư	484.909.090	-
Cộng	46.619.369.281	80.898.692.365

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dùng cho bán hàng	2.854.835.181	3.108.517.102
Chi phí vật liệu, bao bì	2.349.354.470	3.159.785.430
Tiền lương nhân viên bán hàng	21.289.273.953	18.925.623.881
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	2.270.647.126	2.280.665.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.252.963.413	12.043.734.376
Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá	44.839.118.991	48.887.017.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.049.696.742	23.263.888.671
Chi phí khác	27.432.362.379	23.428.709.769
Cộng	133.338.252.255	135.097.942.413

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	800.766.252	895.868.042
Chi phí tiền lương công nhân viên	15.433.610.000	96.984.867.000
Chi phí tiền lương viên chức quản lý	1.931.000.000	2.419.758.000
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	1.242.156.626	1.763.807.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	763.815.046	1.671.094.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.882.565.905	1.334.905.532
Chi phí quản lý khác	53.442.387.112	57.009.832.137
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(456.673.436)	-
Cộng	75.039.627.505	162.080.132.247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	37.100.516.470	715.140.406
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng, vận chuyển	21.150.000.000	9.843.670.000
Thuế nhập khẩu được hoàn	29.729.852.678	161.979.382.555
Chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	-	4.976.340.845
Các khoản thu nhập khác	5.154.569.151	8.100.957.041
Cộng	93.134.938.299	185.615.490.847

5.9. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao kiểm soát viên, người đại diện vốn	516.000.000	591.000.000
Chi phí khắc phục hậu quả bão số 12 (*)	18.850.024.846	-
Các khoản chi phí khác	1.556.122.627	1.487.114.281
Cộng	20.922.147.473	2.078.114.281

(*) Giá trị khoản chi phí đã thực hiện trong việc khắc phục hậu quả cơn bão số 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	511.522.525.098	435.516.113.604
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(131.132.398.065)	(137.101.649.283)
Điều chỉnh tăng	1.157.513.984	709.962.229
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá cuối kỳ</i>	-	-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá năm trước đã thực hiện</i>	-	-
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	1.157.513.984	709.962.229
Điều chỉnh giảm (Chuyển lỗ)	132.289.912.049	137.811.611.512
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	132.289.912.049	137.776.128.768
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá năm trước đã thực hiện trong năm nay</i>	-	35.482.744
Tổng thu nhập chịu thuế	380.390.127.033	298.414.464.321
<i>Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi được miễn thuế</i>	-	-
<i>Thu nhập được ưu đãi thuế suất</i>	1.883.341.863	1.359.124.354
<i>Thu nhập chịu thuế suất phổ thông</i>	378.506.785.170	297.055.339.967
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.078.025.407	59.682.892.864
Thuế thu nhập doanh nghiệp được hưởng ưu đãi	94.167.094	67.956.218
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn</i>	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hưởng ưu đãi thuế suất</i>	94.167.094	67.956.218
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	75.983.858.313	59.614.936.646

5.11. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.203.089.405.664	3.798.126.743.382
Chi phí tiền lương công nhân viên	501.918.000.000	562.700.000.000
Chi phí tiền lương viên chức quản lý	1.931.000.000	2.419.758.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	26.309.120.946	24.310.875.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.195.488.163	86.021.487.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.932.262.647	24.598.794.203
Chi phí khác bằng tiền	259.171.171.756	229.928.282.878
Cộng	4.092.546.449.176	4.728.105.941.912

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	5.406.173.385.013	5.539.410.469.721
Cộng	5.406.173.385.013	5.539.410.469.721

6.2. Số tiền thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	4.993.586.601.990	5.875.753.758.034
Cộng	4.993.586.601.990	5.875.753.758.034

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Tổng Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Tổng Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Tổng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh thuốc lá và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

Công ty CP Dệt Tân Tiến
Công ty CP Du lịch Long Phú
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An
Công ty TNHH Thương mại Khatoco
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khatoco
Công ty CP Đông Á
Công ty CP Du lịch Khánh Tâm
Công ty CP Đầu tư Khánh Hà
Công ty CP Tân Việt
Công ty CP In Bao bì Khatoco

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty CP Khatoco Liberty	Công ty liên kết
Công ty TNHH Quốc tế AK	Công ty liên kết
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	Công ty liên kết
Công ty TNHH TM DV Phú Khánh Việt	Công ty liên kết
Công ty CP Khánh Tân	Đầu tư dài hạn
Công ty TNHH Invest Park – Nha Trang	Đầu tư dài hạn
Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang	Đầu tư dài hạn

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán với các bên liên quan như sau:

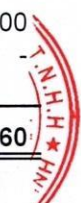
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty CP Dệt Tân Tiến	58.520.000	3.240.000
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An	-	15.030.547.648
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	5.087.215.654	94.944.031.216
Công ty CP Giấy Rạng Đông	-	200.000.000
Công ty TNHH Việt Khánh Phú	-	4.691.450.675
Công ty CP SX-TM-DV Khatoco	-	3.344.287
Công ty CP Đông Á	-	8.650.000.000
Cộng	5.145.735.654	123.522.613.826
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khác là các bên liên quan (cổ tức, lợi nhuận được chia)		
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khatoco	8.048.729.994	505.531.448
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An	3.906.839.751	4.233.432.599
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	44.330.685.304	44.379.689.450
Cộng	56.286.255.049	49.118.653.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả người bán là các bên liên quan		
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	3.187.748.700	3.768.787.800
Công ty CP Dệt Tân Tiến	9.136.000	-
Công ty CP Đông Á	3.527.312.470	3.758.845.860
Công ty CP In Bao bì Khatoco	17.859.509.950	19.367.316.600
Công ty CP Du lịch Long Phú	102.112.000	-
Công ty CP SX-TM-DV Khatoco	-	209.275.000
Công ty CP Khánh Tân	1.680.000	-
Cộng	24.687.499.120	27.104.225.260

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng		
Công ty CP Dệt Tân Tiến	129.747.273	95.714.000
Công ty CP Du lịch Long Phú	144.684.546	74.036.363
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An	29.476.723.760	47.706.225.135
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	3.014.919.261.438	3.477.219.955.826
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khatoco	-	6.045.455
Công ty CP In Bao bì Khatoco	203.121.819	144.120.182
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	244.950.000	205.343.636
Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco	-	94.300.000
Công ty CP Giấy Rạng Đông	-	2.181.818.184
Công ty CP Khatoco Liberty	28.308.264	70.256.822
Công ty TNHH Việt Khánh Phú	-	4.455.598.560
Công ty CP Đông Á	-	6.543.637
Công ty TNHH Quốc tế AK	60.000.000	30.000.000
Công ty CP TM-DV-SX Khatoco	-	56.954.286
Công ty CP Tân Việt	-	16.612.723
Cộng	3.045.206.797.100	3.532.363.524.809



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cổ tức nhận được		
Công ty CP Du lịch Long Phú	1.301.696.000	1.301.696.000
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An	3.906.839.751	4.233.432.599
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	109.330.685.304	124.379.689.450
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khatoco	8.048.729.994	505.531.448
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	-	1.611.382.271
Công ty CP Đông Á	730.800.000	974.400.000
Công ty CP Tân Việt	5.140.476.000	4.569.312.000
Công ty CP In Bao bì Khatoco	3.480.000.000	-
Công ty CP Khánh Tân	200.685.000	200.685.000
Cộng	132.139.912.049	137.776.128.768

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản nợ, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Tổng Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Tổng Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Tổng Công ty chỉ có rủi ro về lãi suất.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng thành viên của Tổng Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Tổng Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất.

Tổng Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Tổng Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Tổng Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	182.233.507.864	113.272.277.756
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.911.635.355.321	1.906.241.834.890
Phải thu khách hàng	67.742.913.350	144.423.994.084
Phải thu về cho vay	895.588.060	1.271.861.398
Phải thu khác	285.788.463.382	117.686.932.556
Đầu tư dài hạn khác	26.727.634.000	37.733.812.354
Cộng	2.475.023.461.977	2.320.630.713.038
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	1.697.628.983.033	1.284.235.012.093
Phải trả người bán và phải trả khác	324.330.774.150	461.217.889.199
Chi phí phải trả	8.772.768.906	1.604.460.526
Cộng	2.030.732.526.089	1.747.057.361.818

Tổng Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Rủi ro thanh khoản

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	1.624.628.983.033	332.675.811.056	1.957.304.794.089
Từ 1 - 3 năm	73.000.000.000	427.732.000	73.427.732.000
Tại ngày 31/12/2017	1.697.628.983.033	333.103.543.056	2.030.732.526.089
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	1.284.235.012.093	462.323.359.725	1.746.558.371.818
Từ 1 - 3 năm	-	498.990.000	498.990.000
Tại ngày 01/01/2017	1.284.235.012.093	462.822.349.725	1.747.057.361.818

Tổng Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Tổng Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Tổng Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro ngoại tệ

Do có các giao dịch mua hàng, bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu khách hàng và phải thu khác	Tiền và các khoản tương đương tiền	Cộng
Đô la Mỹ (USD)	1.963.545,37	103.395,72	2.066.941,09
Euro (EUR)	-	320,57	320,57
Đô la Singapore (SGD)	-	425,47	425,47
Tại ngày 31/12/2017			
Đô la Mỹ (USD)	860.312,00	4.247.250,79	5.107.562,79
Euro (EUR)	-	419,55	419,55
Đô la Singapore (SGD)	-	447,55	447,55
Tại ngày 01/01/2017			

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Các khoản vay	Phải trả khách hàng và phải trả khác	Cộng
Đô la Mỹ (USD)	7.676.485,36	5.619.777,67	13.296.263,03
Euro (EUR)	3.486.697,52	238.291,83	3.724.989,35
Tại ngày 31/12/2017			
Đô la Mỹ (USD)	7.053.750,00	10.857.235,27	17.910.985,27
Euro (EUR)	-	14.109,70	14.109,70
Tại ngày 01/01/2017			

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ngày 09/06/2017, UBND Tỉnh Khánh Hoà đã ban hành Quyết định số 1642/QĐ-UBND về việc cổ phần hoá Tổng Công Khánh Việt – Công ty TNHH MTV, theo đó thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá là ngày 31/12/2017. Căn cứ Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần và văn bản số 481/TCTKV ngày 24/11/2017 về việc xử lý tài chính khi cổ phần hoá Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV, Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV yêu cầu công ty con thực hiện không trích lập các khoản dự phòng và không thực hiện kết chuyển khoản chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá cuối năm vào báo cáo lãi lỗ khi lập báo cáo tài chính năm 2017.



[Signature]
Lê Tiên Anh
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2018

[Signature]
Phan Quang Huy
Kế toán trưởng

[Signature]
Đào Đông Phong
Người lập

